TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Chu Mai Hương;

- Bà Vi Thị Hòa.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Vy Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lương Văn C, sinh năm 1978; cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/3/2022, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn C tiến tới hôn nhân do mai mối. Anh chị tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục. Ngày 09/09/2002, chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn do anh Lương Văn C không lo làm ăn, thường xuyên say rượu, chửi bới, đánh đập

chị Nguyễn Thị N. Chị Nguyễn Thị N đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Lương Văn C không thay đổi. Từ tháng 10/2012, vợ chồng anh chị sống ly thân tới bây giờ. Chị Nguyễn Thị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống. Còn anh Lương Văn C có quan hệ tình cảm và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Thời gian ly thân hơn 10 năm, anh chị không ai có hành động gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến nay, chị Nguyễn Thị N xác định, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau nữa, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn C có 03 con chung. Trong đó, các con chung là cháu Lương Thị N, sinh ngày 06/4/2001 và cháu Lương Thị N1, sinh ngày 11/01/2003 đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Đối với cháu Lương Thị Hằng M, sinh ngày 10/5/2006: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N trình bày hiện nay cháu Lương Thị Hằng M đang sống cùng chị; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lương Thị Hằng M đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Lương Văn C cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị N là lao động tự do có thu nhập từ 6.000.000 đồng – 8.000.000 đồng/1 tháng. Chị Nguyễn Thị N có chỗ ở tại nhà mẹ đẻ, địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn anh Lương Văn C không có mặt theo sự triệu tập của Tòa án. Qua xác minh tại Công an xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thấy rằng anh Lương Văn C có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Anh Lương Văn C hiện có mặt tại địa phương, không cắt khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác nhưng thỉnh thoảng đi đâu không rõ, không báo cáo chính quyền địa phương. Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn anh Lương Văn C không tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, cháu Lương Thị Hằng M, sinh ngày 10/5/2006 trình bày: Bố mẹ cháu đã không sống cùng nhau từ năm 2012 đến nay vì bố hay say rượu, hay đánh chửi mẹ nên mẹ bỏ đi. Thời gian cháu Lương Thị Hằng M sống cùng bố thì mẹ thường xuyên thăm cháu, gửi tiền cho bố nuôi cháu ăn học. Cháu đã học xong lớp 10 trường Trung học Phổ thông Lộc Bình, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Hiện nay, cháu đang sống cùng mẹ vì mẹ không đi làm ăn xa nữa. Cháu Lương Thị Hằng M có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lương Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn C có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2002, vì vậy xác định hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh Lương Văn C không lo làm ăn, thường xuyên say rượu, chửi bới, đánh đập chị Nguyễn Thị N. Anh chị ly thân từ năm 2012 đến nay và không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Chị Nguyễn Thị N xin ly hôn với anh Lương Văn C là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lương Văn C.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị giao con chung là cháu Lương Thị Hằng M, sinh ngày 10/5/2006 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị N chưa yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lương Văn C đã được Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng không có mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lương Văn C.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị

đơn anh Lương Văn C, cư trú tại Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 09/9/2002. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn C là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh Lương Văn C không lo làm ăn, thường xuyên say rượu, chửi bới, đánh đập chị Nguyễn Thị N. Thời gian ly thân từ năm 2012 đến nay, không ai có hành động hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn C có 03 con chung là cháu Lương Thị N, sinh ngày 06/4/2001 và cháu Lương Thị N1, sinh ngày 11/01/2003 (đều đã trên 18 tuổi), cháu Lương Thị Hằng M, sinh ngày 10/5/2006. Hiện nay, con chung là cháu Lương Thị Hằng M, sinh ngày 10/5/2006 hiện đang sống cùng chị Nguyễn Thị N. Chị Nguyễn Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lương Thị Hằng M, sinh ngày 10/5/2006 đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy chị Nguyễn Thị N có chỗ ở, thu nhập ổn định, cháu Lương Thị Hằng M, sinh ngày 10/5/2006 cũng có nguyện vọng được sống với chị Nguyễn Thị N nên để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ vị thành viên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Lương Thị Hằng M, sinh ngày 10/5/2006 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị N chưa yêu cầu. Anh Lương Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày), có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí; do vậy, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lương Văn C.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 29 đăng ký ngày 09/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Lương Thị Hằng M, sinh ngày 10/5/2006 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Lương Văn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị N chưa yêu cầu.

Anh Lương Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Lương Văn C thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang